

Số: **353** /GCN-BXD

Hà Nội, ngày **18**.tháng...**4**.năm 2019

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM**  
**CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Dịch vụ và xây dựng Hoàng Phúc và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 07/4/2019;

Theo đề nghị của Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường,

**CHỨNG NHẬN:**

1. Công ty TNHH Dịch vụ và xây dựng Hoàng Phúc

Địa chỉ: Số 61, đường Liên Khu vực, Khu dân cư trung tâm mở rộng, khu phố Bình Cư 3, phường 6, TP. Tân An, tỉnh Long An

Mã số thuế: 1100843421

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 61, đường Liên Khu vực, Khu dân cư trung tâm mở rộng, khu phố Bình Cư 3, phường 6, TP. Tân An, tỉnh Long An

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 1271**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế Quyết định số 523/QĐ-BXD ngày 25/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận năng lực thực hiện các phép thử của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng LAS-XD 1271./.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH Dịch vụ và xây dựng Hoàng Phúc;
- SXD tỉnh Long An;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**VỤ TRƯỞNG**  
**VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**



**Vũ Ngọc Anh**

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM  
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1271**

*(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng  
số: 353 /GCN-BXD ngày 18 tháng 4 năm 2019)*

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)	
<b>1</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG</b>		
	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003	
	Xác định độ bền uốn và nén của xi măng	TCVN 6016:2011	
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015	
<b>2</b>	<b>THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>		
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:1993	
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993	
	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:1993	
	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993	
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:1993	
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:1993	
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:1993	
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:1993	
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:1993	
	Xác định cường độ lăng trụ và môđun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:1993	
	<b>3</b>	<b>THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>	
		Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006
Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước		TCVN 7572-4:2006	
Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn		TCVN 7572-5:2006	
Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng		TCVN 7572-6:2006	
Xác định độ ẩm		TCVN 7572-7 :2006	
Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ		TCVN 7572-8:0606	
Xác định tạp chất hữu cơ		TCVN 7572- 9:2006	
Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc		TCVN 7572-10:2006	
Xác định độ nén đập, hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn		TCVN 7572-11:2006	
Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)		TCVN 7572-12:2006	
Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn		TCVN 7572-13:2006	
Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa		TCVN 7572-17:2006	
Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ.	TCVN 7572-20:2006		
<b>4</b>	<b>THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA</b>		
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011
	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
	Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
<b>5</b>	<b>THỬ NGHIỆM NHỰA BI TUM</b>	
	Xác định độ kim lún ở 25 °C	TCVN 7495:2005
	Xác định độ kéo dài ở 25 °C	TCVN 7496:2005
	Xác định điểm hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005
	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005
	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005
	Xác định lượng hoà tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005
	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005
	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
<b>6</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐÁT TRONG PHÒNG</b>	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006 AASHTO T193
	Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22TCN 333:2006
	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434
	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012; ASTM D4546
<b>7</b>	<b>THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG</b>	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2003
	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2003
	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2003
	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2003
	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2003

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2003
<b>8</b>	<b>THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN</b>	
	Thử kéo vật liệu kim loại	TCVN 197-1:2014
	Thử uốn vật liệu kim loại	TCVN 198:2008
	Kiểm tra mối hàn kim loại – Thử uốn	TCVN 5401:2010
	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
	Thử kéo bulông, ren, đai ốc	ASTM A370
<b>9</b>	<b>THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG</b>	
	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	22TCN 02:1971
	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006
	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
	Phương pháp thử nghiệm xác định môđun đàn hồi “E” nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
	Xác định môđun đàn hồi “E” chung của áo đường bằng cần Ben kelman	TCVN 8867:2011
	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (Thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:2012
	Cọc – Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
	Thí nghiệm CBR- Ngoài hiện trường	ASTM D4429
	Xác định độ thấm nước bằng PP đổ nước trong hố đào	TCVN 8731:2012
<b>10</b>	<b>THỬ NGHIỆM GẠCH XÂY</b>	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009
	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
<b>11</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN</b>	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999
	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999
	Xác định độ hút nước	TCVN 6476:1999
<b>12</b>	<b>THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA</b>	
	Xác định hình dáng bên ngoài	22TCN 58:1984
	Xác định thành phần hạt	22TCN 58:1984
	Xác định lượng mất khi nung	22TCN 58:1984
	Xác định hàm lượng nước	22TCN 58:1984
	Xác định khối lượng riêng của bột khoáng chất	22TCN 58:1984

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22TCN 58:1984
	Xác định hệ số háo nước	22TCN 58:1984
	Xác định hàm lượng chất hoà tan trong nước	22TCN 58:1984
	Xác định khối lượng riêng của bột khoáng chất và nhựa đường	22TCN 58:1984
<b>13</b>	<b>THỬ NGHIỆM VẢI ĐỊA KỸ THUẬT</b>	
	Xác định độ dày tiêu chuẩn	ASTM D5199
	Xác định khối lượng đơn vị diện tích	ASTM D5261
	Xác định độ bền chịu kéo và độ giãn dài	ASTM D4595
	Xác định sức chọc thủng bằng phương pháp rơi côn	BS 6906 P6:97
	Xác định khả năng thấm	ASTM D4491
	Khả năng chống xuyên CBR	BS 6906 P4:97
	Cường độ chịu kéo giật, độ giãn dài của vải địa kỹ thuật và bắc thấm	ASTM D4632
	Khả năng thoát nước của vải địa kỹ thuật và Bắc thấm	ASTM D4716
	Kích thước lỗ lọc bằng phương pháp sàng ướt	TCVN 8486:2010

**Ghi chú (\*)** - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

✓

